

Số: 2195/TCT-KK

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2017

V/v thay đổi quy tắc hạch  
toán tờ khai thuế GTGT, ban  
hành sổ thuế mới

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tài chính tại Thông báo số 411/TB-BTC về việc rà soát nguyên nhân sai sót trong xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế trên ứng dụng Quản lý thuế tập trung (TMS) dẫn đến xác định nợ không chính xác, Tổng cục Thuế đã tiến hành phân tích, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Theo đó, từ kỳ kế toán tháng 06/2017, Tổng cục Thuế ban hành quy tắc hạch toán tờ khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và các mẫu sổ thuế mới như sau:

### **I. Quy tắc hạch toán, ghi sổ hồ sơ khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**

Cơ quan thuế kiểm soát tờ khai 01/GTGT, 02/GTGT theo phương thức kiểm soát tự động đối với trường hợp khai thuế điện tử hoặc kiểm soát thủ công đối với trường hợp nộp tờ khai bằng bản giấy. Tờ khai được hạch toán, ghi sổ vào hệ thống TMS khi bảo đảm tính hợp pháp theo quy định của pháp luật quản lý thuế và khớp đúng thông tin giữa các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế.

#### **1. Đối với Tờ khai 01/GTGT**

- Từ kỳ kế toán tháng 06/2017, hạch toán tờ khai 01/GTGT vào Sổ thuế (mẫu S1/KTT) và Sổ nhật ký giao dịch (mẫu S2/KTT):

+ Đối với hồ sơ khai thuế lần đầu: Hạch toán giá trị dương của chỉ tiêu 40 “Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ”; không hạch toán các chỉ tiêu số 36, 37, 38, 39, 40b, 42.

+ Đối với hồ sơ khai thuế bổ sung: Hạch toán giá trị chênh lệch giữa chỉ tiêu số 40 của lần bổ sung với chỉ tiêu số 40 của lần khai thuế liền kề trước đã được hạch toán trong hệ thống; hạch toán chỉ tiêu số thuế thu hồi hoàn trên phụ lục 01/KHBS; không hạch toán chênh lệch các chỉ tiêu số 36, 37, 38, 39, 40b, 42, 43.

- Ghi dữ liệu thông tin tờ khai 01/GTGT vào Sổ phát sinh tờ khai 01/GTGT (mẫu PS/01GTGT) của tất cả các lần kê khai hợp pháp. Thông tin trên tờ 01/GTGT từ chỉ tiêu số 22 đến chỉ tiêu số 43 được ghi nhận đầy đủ, theo giá trị trên tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung.

## **2. Đối với Tờ khai 02/GTGT**

- Tờ khai 02/GTGT chỉ hạch toán số thu hồi hoàn trên phụ lục 01/KHBS kèm theo tờ khai bổ sung và được tổng hợp lên Sổ thuế (mẫu S1/KTT) và Sổ nhật ký giao dịch (mẫu S2/KTT).

- Ghi dữ liệu thông tin tờ khai 02/GTGT vào Sổ phát sinh tờ khai 02/GTGT (mẫu PS/02GTGT) của tất cả các lần kê khai hợp pháp. Thông tin trên tờ 02/GTGT từ chỉ tiêu số 21 đến chỉ tiêu số 32 được ghi nhận đầy đủ, theo giá trị trên tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung.

Tài liệu chi tiết về nghiệp vụ hạch toán, ghi sổ hồ sơ khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ vận hành trên ứng dụng TMS được đặt tại thư mục: [ftp://ftp.tct.vn/Program/TRIEN\\_KHAI/2017/TMS/2.0/](ftp://ftp.tct.vn/Program/TRIEN_KHAI/2017/TMS/2.0/).

## **II. Ban hành mẫu sổ thuế áp dụng trong TMS từ kỳ kế toán tháng 06/2017**

Tổng cục Thuế ban hành các mẫu sổ thuế mới áp dụng từ kỳ kế toán tháng 06/2017 để ghi nhận, hạch toán đầy đủ thông tin được phản ánh trên các hồ sơ khai thuế, chứng từ nộp thuế, các thông báo và quyết định của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể như sau:

### **1. Sổ thuế (mẫu S1/KTT)**

- Mục đích: Phản ánh toàn bộ các thông tin liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của người nộp thuế với ngân sách nhà nước theo một kỳ kế toán.

- Các chỉ tiêu chủ yếu trên sổ:

+ Số dư đầu kỳ/ Số dư cuối kỳ: Số thuế còn phải nộp; Số thuế nộp thừa hoặc số thuế đã tạm nộp; Số thuế đã có quyết định hoàn nhưng chưa thực hiện lệnh hoàn.

+ Số phát sinh trong kỳ: Là số tiền đã được hạch toán từ tờ khai thuế, thông báo thuế; quyết định truy thu, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền; quyết định miễn, giảm, xoá nợ, hoàn thuế; chứng từ nộp thuế, chứng từ hoàn thuế phát sinh trong kỳ.

### **2. Sổ nhật ký giao dịch (mẫu S2/KTT)**

- Mục đích: Ghi nhận các giao dịch về thuế phát sinh trong một kỳ kế toán liên quan đến việc tăng, giảm số thuế phải nộp, số thuế được hoàn của người nộp thuế. Định kỳ sau khoá sổ hàng tháng, thông qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế sẽ cung cấp Sổ thuế S1/KTT và Sổ nhật ký giao dịch S2/KTT để người nộp thuế theo dõi, đối chiếu số liệu về tình hình thực hiện nghĩa vụ của NNT đã được cơ quan thuế theo dõi, phản ánh, ghi nhận trong hệ thống quản lý thuế. Từ đó, NNT chủ

động trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc có biện pháp rà soát, đối chiếu, hiệu chỉnh các sai lệch thông tin giữa NNT và cơ quan thuế. Lộ trình thực hiện cung cấp số S1/KTT và S2/KTT cho NNT đồng bộ với thời gian triển khai ứng dụng Dịch vụ thuế điện tử (eTax).

- Các chỉ tiêu chủ yếu trên số:

+ Thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế: Số dư đầu kỳ; các giao dịch làm tăng số phải nộp trong kỳ được ghi nhận từ tờ khai, thông báo, quyết định; giao dịch làm giảm số phải nộp trong kỳ được ghi nhận theo chứng từ nộp thuế, quyết định miễn thuế, giảm thuế, xoá nợ thuế; số dư cuối kỳ.

+ Thông tin liên quan đến số hoàn thuế: Số dư đầu kỳ; số thuế được giải quyết hoàn theo quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế, số thuế trên lệnh hoàn được kho bạc nhà nước xác nhận đã thực hiện thanh toán; số dư cuối kỳ.

### **3. Sổ phát sinh tờ khai (mẫu PS/01GTGT và mẫu PS/02GTGT)**

- Mục đích: Ghi nhận, phản ánh đầy đủ thông tin, số liệu phát sinh trên hồ sơ khai thuế theo trình tự các tờ khai 01/GTGT và 02/GTGT đã được hạch toán hoặc được cơ quan thuế chấp nhận, bao gồm các hồ sơ lần đầu và hồ sơ khai thuế bổ sung, để phục vụ công tác quản lý của cơ quan thuế như hoàn thuế, thanh tra thuế, kiểm tra thuế, phân tích rủi ro và đánh giá sự tuân thủ của người nộp thuế.

- Các chỉ tiêu trên Sổ phát sinh tờ khai:

+ Thông tin định danh của NNT, thông tin kỳ kê khai, lần kê khai, ngày nộp hồ sơ khai thuế.

+ Toàn bộ các chỉ tiêu số liệu liên quan đến xác định số thuế phải nộp, số thuế còn được khấu trừ được NNT kê khai trên tờ khai 01/GTGT hoặc tờ khai 02/GTGT.

Chi tiết các mẫu số, cách tổng hợp, khai thác và sử dụng thông tin trên số thuế được hướng dẫn tại Phụ lục 01 và 02 ban hành kèm theo công văn này.

## **III. Xử lý và rà soát dữ liệu thuế GTGT của người nộp thuế**

### **1. Tắt toán giao dịch khấu trừ, giao dịch đề nghị hoàn thuế GTGT**

Do áp dụng hệ thống số thuế mới và quy tắc hạch toán tờ khai thuế GTGT chỉ phản ánh số thuế phải nộp, không phản ánh số thuế được khấu trừ, vì vậy, các giao dịch phản ánh số thuế còn được khấu trừ, số thuế đề nghị hoàn tại thời điểm khoá sổ thuế kỳ tháng 05/2017 sẽ được Tổng cục Thuế hỗ trợ xử lý như sau:

- Hết hiệu lực các giao dịch hạch toán số thuế được khấu trừ, số thuế đề nghị hoàn trong hệ thống TMS kể từ kỳ kế toán tháng 06/2017.

- Tất toán số dư đến thời điểm khoá sổ thuế tháng 05/2017 của giao dịch khấu trừ, giao dịch đề nghị hoàn thuế GTGT có giá trị âm trong hệ thống TMS.

- Chuyển tiếp số dư của các giao dịch khấu trừ, đề nghị hoàn có giá trị dương (do chuyển đổi tính chất giảm số khấu trừ thành tăng số phải nộp) để tổng hợp vào số dư phải nộp đầu kỳ tháng 06/2017 và tiếp tục theo dõi nghĩa vụ của NNT để đôn đốc nợ, tính tiền chậm nộp.

Chi tiết quy tắc tất toán, chuyển tiếp số dư giao dịch khấu trừ, giao dịch đề nghị hoàn thuế GTGT và sửa đổi quy tắc bù trừ nghĩa vụ NNT trên ứng dụng TMS tại Phụ lục 03 đính kèm công văn này.

## **2. Rà soát dữ liệu thuế GTGT**

Trong quá trình chuyển đổi quy tắc hạch toán tờ khai thuế GTGT và xử lý các tờ khai tồn chưa được hạch toán trong hệ thống TMS, một số trường hợp dữ liệu của NNT có khả năng bị sai lệch giữa thông tin cơ quan thuế đang quản lý trong ứng dụng TMS và thông tin NNT đang theo dõi. Vì vậy, Tổng cục Thuế triển khai đợt rà soát tổng thể và chuẩn hoá dữ liệu của NNT.

Tổng cục Thuế đã xây dựng các công cụ hỗ trợ rà soát dữ liệu của NNT, lập danh sách NNT có sai lệch nghĩa vụ thuế giữa 2 quy tắc hạch toán nghĩa vụ để cơ quan thuế tổ chức thực hiện rà soát theo kế hoạch của Tổng cục Thuế: Quy tắc cũ - Hạch toán 7 chỉ tiêu trên tờ khai 01/GTGT; Quy tắc mới - Hạch toán chỉ tiêu 40 trên tờ khai 01/GTGT.

Tổng cục Thuế sẽ ban hành công văn hướng dẫn và kế hoạch rà soát dữ liệu (từ tháng 7/2017 đến 12/2017), đồng thời tổ chức đào tạo trực tiếp cho cán bộ cơ quan thuế các tỉnh, thành phố về sử dụng công cụ, phương pháp và lộ trình thực hiện việc rà soát, điều chỉnh dữ liệu để chuẩn hóa nghĩa vụ của NNT.

## **IV. Nâng cấp ứng dụng TMS**

Tổng cục Thuế thực hiện nâng cấp ứng dụng TMS phiên bản 2.0 đáp ứng quy tắc hạch toán tờ khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và các mẫu sổ thuế mới như sau:

- Giai đoạn 1 (từ ngày 1/6/2017):

+ Chặn chức năng hạch toán, chức năng hủy tờ khai 01/GTGT và tờ khai 02/GTGT vào kỳ kế toán tháng 6/2017 cho đến khi nâng cấp ứng dụng đáp ứng quy tắc hạch toán tờ khai thuế GTGT mới.

+ Chặn chức năng điều chỉnh dữ liệu cho giao dịch khấu trừ; chuyển/nhận giao dịch khấu trừ giữa các cơ quan thuế từ kỳ kế toán tháng 6/2017.

Lưu ý: Từ ngày 1/6/2017 đến ngày khoá sổ thuế tháng 5/2017, các chức năng trên vẫn được phép thực hiện tại kỳ kế toán tháng 5/2017.

- Giai đoạn 2 (sau thời điểm khoá sổ tháng 5/2017): Nâng cấp các chức năng trên ứng dụng TMS:

+ Xử lý, hạch toán tờ khai 01/GTGT và tờ khai 02/GTGT theo quy tắc mới từ kỳ kế toán tháng 6/2017.

+ Áp dụng sổ thuế (mẫu S1/KTT), sổ nhật ký giao dịch (mẫu S2/KTT), sổ phát sinh tờ khai 01/GTGT (mẫu PS/01GTGT), sổ phát sinh tờ khai 02/GTGT (mẫu PS/02GTGT) từ kỳ kế toán tháng 6/2017.

+ Nâng cấp các chức năng chuyển nghĩa vụ thuế, điều chỉnh dữ liệu, hoàn thuế, quy tắc bù trừ... phù hợp với quy tắc hạch toán tờ khai GTGT mới.

+ Cung cấp công cụ hỗ trợ rà soát dữ liệu thuế GTGT để cơ quan thuế thực hiện việc rà soát, điều chỉnh dữ liệu và chuẩn hóa nghĩa vụ của NNT.

## V. Tổ chức thực hiện

### 1. Đề nghị Cục Thuế:

- Giao phòng Kế khai và Kế toán thuế nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn quy tắc nghiệp vụ mới nêu trên cho các phòng chức năng tại Cục Thuế và các Chi cục Thuế trực thuộc.

- Giao phòng Tin học phối hợp với Cục CNTT (Tổng cục Thuế) triển khai, cài đặt, kiểm tra phiên bản trước và sau triển khai; kiểm tra kết quả tất toán và chuyển đổi dữ liệu khấu trừ; phân quyền cho người sử dụng và hỗ trợ sử dụng các chức năng ứng dụng.

2. Kinh phí triển khai: Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế áp dụng mức chi bồi dưỡng triển khai ứng dụng tin học theo quy định hiện hành.

Trên đây là các nội dung hướng dẫn thay đổi về quy tắc hạch toán tờ khai GTGT, mẫu sổ thuế được áp dụng từ kỳ kế toán tháng 06/2017 trên ứng dụng TMS. Đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại công văn này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Cục Thuế báo cáo kịp thời về Tổng cục Thuế (Vụ Kế khai và Kế toán thuế, Cục CNTT) để được hướng dẫn./.

### Nơi nhận:

- Như trên; *mu*
- Lãnh đạo TC (để báo cáo);
- Vụ QLN, Cục CNTT;
- Lưu: VT, KK (3b). *po*

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Đại Trí

CỤC THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Số 172 /SY-CT

Thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Thuế tại văn bản số 2195/TCT-KK ngày 25/05/2017 V/v thay đổi quy tắc hạch toán tờ khai thuế GTGT, ban hành sổ kế toán mới, Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng yêu cầu:

- Phòng Kế khai và Kế toán thuế nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn quy tắc nghiệp vụ mới theo hướng dẫn tại văn bản 3195/TCT-KK nêu trên cho các phòng chức năng tại Cục Thuế và các Chi cục Thuế trực thuộc.

- Phòng Tin học phối hợp với Cục CNTT (Tổng cục Thuế) triển khai, cài đặt, kiểm tra phiên bản trước và sau triển khai; kiểm tra kết quả tất toán và chuyển đổi dữ liệu khấu trừ; phân quyền cho người sử dụng và hỗ trợ sử dụng các chức năng ứng dụng, đồng thời đảm bảo ứng dụng hoạt động thông suốt phục vụ công tác quản lý thuế của ngành./.

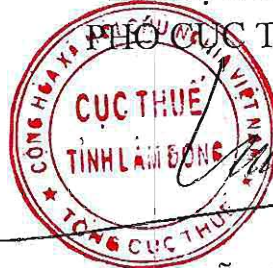
Lâm Đồng, ngày 10 tháng 05 năm 2017

Nơi nhận

- Các phòng thuộc VPC;
- Các Chi cục Thuế trực thuộc;
- Lưu VT.

KT.CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Từ

**Phụ lục 01**

**DANH MỤC MẪU SỔ THUẾ MỚI**

*(Kèm theo Công văn số 217/2017/TCT-KK ngày 25/11/2017 của Tổng cục Thuế)*

**I. DANH MỤC MẪU SỔ THUẾ MỚI**

| <b>STT</b> | <b>Mẫu số</b> | <b>Tên sổ</b>                |
|------------|---------------|------------------------------|
| 1.         | S1/KTT        | Sổ thuế                      |
| 2.         | S2/KTT        | Sổ nhật ký giao dịch         |
| 3.         | PS/01GTGT     | Sổ phát sinh tờ khai 01/GTGT |
| 4.         | PS/02GTGT     | Sổ phát sinh tờ khai 02/GTGT |

**II. MẪU BIỂU SỔ THUẾ MỚI**

CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
CƠ QUAN THUẾ...

Mẫu S1/KTT  
Ban hành kèm theo công văn  
số 11/TCT-KK ngày 28 tháng  
5 năm 2014 của Tổng cục Thuế

**SỔ THUẾ**  
Kỳ kế toán: ...

Đơn vị tính: VND/USD

| Mã số thuế | Tên NNT | Chương | Tiểu mục | Dư đầu kỳ |                      |           | Phát sinh trong kỳ |                                 |            |        |        |                    |                    | Dư cuối kỳ |          |                      |           |
|------------|---------|--------|----------|-----------|----------------------|-----------|--------------------|---------------------------------|------------|--------|--------|--------------------|--------------------|------------|----------|----------------------|-----------|
|            |         |        |          | Phải nộp  | Nộp thừa/<br>tạm nộp | Được hoàn | Phải nộp trong kỳ  | Phải nộp theo truy thu, xử phạt | Miễn, giảm | Xóa nợ | Đã nộp | Được hoàn nộp thừa | Được hoàn khấu trừ | Đã hoàn    | Phải nộp | Nộp thừa/<br>tạm nộp | Được hoàn |
| (A)        | (B)     | (C)    | (D)      | (1)       | (2)                  | (3)       | (4)                | (5)                             | (6)        | (7)    | (8)    | (9)                | (10)               | (11)       | (12)     | (13)                 | (14)      |
|            |         |        |          |           |                      |           |                    |                                 |            |        |        |                    |                    |            |          |                      |           |
|            |         |        |          |           |                      |           |                    |                                 |            |        |        |                    |                    |            |          |                      |           |
|            |         |        |          |           |                      |           |                    |                                 |            |        |        |                    |                    |            |          |                      |           |
| Tổng cộng  |         |        |          |           |                      |           |                    |                                 |            |        |        |                    |                    |            |          |                      |           |

Cán bộ thuế

Phụ trách bộ phận

Đại diện cơ quan thuế

Ngày kết xuất số: <DD/MM/YYYY>  
Người kết xuất số: <USER\_NAME>



**SỔ NHẬT KÝ GIAO DỊCH**

Kỳ kế toán: Từ tháng ... đến tháng ...

MST:  
Tên NNT:  
Địa chỉ:  
Email:

Đơn vị tính : Đồng (hoặc USD)

| Ngày ghi sổ                | Ngày chứng từ | Tiêu mục | Số tiền | Hạn nộp | Diễn giải |
|----------------------------|---------------|----------|---------|---------|-----------|
| (A)                        | (B)           | (C)      | (D)     | (E)     | (F)       |
| <b>I. NGHĨA VỤ THUẾ</b>    |               |          |         |         |           |
| Tháng ...                  |               |          |         |         |           |
| <b>Dư đầu kỳ</b>           |               |          |         |         |           |
| Tổng số còn phải nộp       |               |          |         |         |           |
| Tổng số nộp thừa/ tạm nộp  |               |          |         |         |           |
| <b>Phát sinh trong kỳ</b>  |               |          |         |         |           |
| ...                        |               |          |         |         |           |
| ...                        |               |          |         |         |           |
| <b>Dư cuối kỳ</b>          |               |          |         |         |           |
| Tổng số còn phải nộp       |               |          |         |         |           |
| Tổng số nộp thừa/ tạm nộp  |               |          |         |         |           |
| Tháng ...                  |               |          |         |         |           |
| <b>II. HOÀN THUẾ</b>       |               |          |         |         |           |
| Tháng ...                  |               |          |         |         |           |
| <b>Dư đầu kỳ</b>           |               |          |         |         |           |
| Tổng số thuế còn được hoàn |               |          |         |         |           |
| <b>Phát sinh trong kỳ</b>  |               |          |         |         |           |
| ...                        |               |          |         |         |           |
| ...                        |               |          |         |         |           |
| <b>Dư cuối kỳ</b>          |               |          |         |         |           |
| Tổng số thuế còn được hoàn |               |          |         |         |           |
| Tháng ...                  |               |          |         |         |           |

Cán bộ quản lý

Phụ trách bộ phận

Ngày kết xuất số: <DD/MM/YYYY>  
Người kết xuất số: <USER\_NAME>

Ghi chú:

Phần I. Nghĩa vụ thuế: Số tiền có giá trị dương thể hiện tăng số thuế phải nộp; số tiền có giá trị âm thể hiện giảm số thuế phải nộp.

Phần II. Hoàn thuế: Số tiền có giá trị dương thể hiện tăng số thuế được hoàn; số tiền có giá trị âm thể hiện giảm số thuế được hoàn.

## Phụ lục 02

### HƯỚNG DẪN LẬP CÁC SỐ THUẾ MỚI

(Kèm theo Công văn số 248/2017/TCT-KK ngày 25/10/2017 của Tổng cục Thuế)

#### I. SỐ THUẾ (MẪU S1/KTT)

##### 1. Mục đích

Phản ánh toàn bộ các thông tin liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của người nộp thuế với ngân sách nhà nước theo một kỳ kế toán.

##### 2. Nội dung và cách ghi số

- Cột A: Phản ánh mã số thuế của NNT thuộc cơ quan thuế quản lý.
- Cột B: Phản ánh tên NNT tương ứng với MST.
- Cột C: Phản ánh thông tin Chương của khoản thuế.
- Cột D: Phản ánh thông tin Tiêu mục tương ứng với khoản thuế.
- Cột (1): Bảng số thuế phải nộp dư cuối kỳ trước.
- Cột (2): Bảng số thuế nộp thừa/tạm nộp dư cuối kỳ trước.
- Cột (3): Bảng số thuế được hoàn dư cuối kỳ trước.
- Cột (4): Tổng hợp số thuế phải nộp trong kỳ của NNT, bao gồm:
  - + Số thuế phát sinh trên tờ khai của NNT.
  - + Số thuế cơ quan thuế tính để thông báo cho NNT trên cơ sở tờ khai của NNT (cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán, cá nhân nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,...).
  - + Số thu hồi hoàn hoàn thuế trên phụ lục 01/KHBS kèm theo tờ khai bổ sung.
  - + Số tiền chậm nộp do cơ quan thuế tính hàng tháng.
  - + Số thuế theo thông báo hạch toán lại khoản phải nộp đã bị xóa nợ.
  - + Số thuế theo phiếu chuyển nghĩa vụ thuế.
  - + Số thuế theo phiếu điều chỉnh nghĩa vụ thuế của NNT do cơ quan thuế thực hiện (điều chỉnh tương ứng cho các loại nghĩa vụ phát sinh tổng hợp tại Cột 4).
- Cột (5): Tổng hợp số thuế phải nộp theo quyết định truy thu, xử lý của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền, bao gồm:

- + Số thuế phát sinh theo quyết định truy thu.
- + Số thuế phát sinh theo quyết định xử phạt.
- + Số thuế phát sinh theo quyết định thu hồi hoàn thuế.
- + Số thuế phát sinh theo quyết định xử lý khiếu nại.
- + Số thuế phát sinh theo quyết định ấn định.
- + Số thuế phát sinh theo quyết định bãi bỏ ấn định.
- + Số thuế phát sinh theo biên bản thanh tra, kiểm tra.
- + Số thuế phát sinh theo văn bản liên quan đến Thanh tra Chính phủ; Kiểm toán Nhà nước; Thanh tra Tài chính.
- + Số thuế phát sinh theo quyết định khác.
- + Số thuế theo phiếu điều chỉnh nghĩa vụ thuế của NNT do cơ quan thuế thực hiện (điều chỉnh tương ứng cho các loại nghĩa vụ phát sinh tổng hợp tại Cột 5).
  - Cột (6): Tổng hợp số thuế được miễn, giảm theo quyết định của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền; số thuế theo phiếu điều chỉnh nghĩa vụ thuế của NNT do cơ quan thuế thực hiện (điều chỉnh số thuế miễn, giảm).
  - Cột (7): Tổng hợp số tiền thuế, tiền chậm nộp được xóa theo quyết định của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền; số thuế theo phiếu điều chỉnh nghĩa vụ thuế của NNT do cơ quan thuế thực hiện (điều chỉnh số tiền thuế, tiền chậm nộp được xóa).
  - Cột (8): Tổng hợp số đã nộp vào Ngân sách Nhà nước trên chứng từ nộp thuế của NNT. Cụ thể:
    - + Chứng từ nộp tiền.
    - + Biên lai chứng từ thu tiền (khi cơ quan thuế, uỷ nhiệm thu thực hiện thu thuế).
    - + Chứng từ nộp tiền tại CSSX phụ thuộc được chuyển để trừ nợ tại trụ sở chính.
    - + Chứng từ điều chỉnh cho chứng từ nộp tiền; chứng từ điều chỉnh cho chứng từ thu hồi hoàn thuế.
    - + Quyết định hoàn kiêm bù trừ thu NSNN (phân bù trừ).
    - + Chứng từ nộp tiền cho khác khoản thu do cơ quan thuế quản lý nhưng không theo dõi chi tiết từng NNT.

- Cột (9): Tổng hợp số thuế được hoàn nộp thừa trên quyết định hoàn/hoàn kiêm bù trừ thu NSNN, gồm: Số thuế hoàn trả cho NNT, số thuế bù trừ cho nghĩa vụ phải nộp NSNN của NNT (phần làm giảm số thuế nộp thừa của NNT), số lãi phải trả NNT (nếu có).

- Cột (10): Tổng hợp số thuế GTGT khấu trừ được hoàn trên quyết định hoàn khấu trừ/quyết định hoàn kiêm bù trừ thu NSNN, gồm: Số thuế hoàn trả cho NNT, số thuế bù trừ cho nghĩa vụ phải nộp NSNN của NNT, số lãi phải trả NNT (nếu có).

- Cột (11): Tổng hợp số thuế đã hoàn theo Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ thu NSNN, gồm: Số đã hoàn trả cho NNT, số thuế đã bù trừ cho nghĩa vụ phải nộp NSNN của NNT, số lãi đã trả NNT (nếu có).

- Cột (12): Tổng hợp các giao dịch chưa được bù trừ có số tiền dương tại thời điểm in sổ (tương ứng với số còn phải nộp NSNN tại thời điểm in sổ).

- Cột (13): Tổng hợp các giao dịch chưa được bù trừ có số tiền âm tại thời điểm in sổ (tương ứng với số nộp thừa tại thời điểm in sổ).

- Cột (14): Tổng hợp các giao dịch tương ứng số thuế được hoàn trả nhưng chưa thực hiện hoàn trả tại thời điểm in sổ.

- Trường hợp lựa chọn phạm vi tổng hợp số thuế gồm số thuế phải nộp/đã nộp được phân bổ:

+ Giao dịch PP được tổng hợp lên cột 4, cột 12 (nếu có giá trị dương và chưa được bù trừ tại thời điểm in sổ), cột 13 (nếu có giá trị âm và chưa được bù trừ tại thời điểm in sổ).

+ Giao dịch P3 được tổng hợp lên cột 8, cột 13 (nếu chưa được bù trừ tại thời điểm in sổ).

- Trường hợp lựa chọn phạm vi tổng hợp số thuế gồm số thuế phải nộp/đã nộp của đơn vị uỷ nhiệm thu:

+ Giao dịch PU được tổng hợp lên cột 4, cột 12 (nếu có giá trị dương và chưa được bù trừ tại thời điểm in sổ), cột 13 (nếu có giá trị âm và chưa được bù trừ tại thời điểm in sổ).

+ Giao dịch P9 được tổng hợp lên cột 8, cột 13 (nếu chưa được bù trừ tại thời điểm in sổ).

### **3. Kiểm soát dữ liệu**

#### ***a. Kiểm soát dữ liệu trên số thuế.***

Hệ thống đảm bảo dữ liệu sổ thuế theo kỳ kế toán không bị thay đổi sau khi đã đóng kỳ kế toán. Định kỳ hàng tháng sau khi đóng kỳ kế toán cán bộ thuế thực hiện kết xuất sổ thuế và kiểm soát dữ liệu trên sổ thuế đảm bảo tính khớp đúng. Sổ thuế theo từng NNT là cơ sở để cung cấp thông tin về nghĩa vụ thuế cho NNT.

### ***b. Phương thức khai thác sổ thuế***

Sổ thuế cho phép khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý theo một người nộp thuế, một nhóm người nộp thuế, phòng ban quản lý, cán bộ quản lý. Trường hợp khai thác theo một người nộp thuế, cho phép tổng hợp dữ liệu của nhiều kỳ kế toán. Đơn vị tính của sổ thuế mặc định là đồng, ngoài ra, cho phép lựa chọn đơn vị tính là nghìn đồng hoặc triệu đồng hoặc USD (đối với các khoản thu theo đổi bằng đơn vị tiền USD).

## **II. SỔ NHẬT KÝ GIAO DỊCH (MẪU S2-KTT)**

### **1. Mục đích**

Ghi nhận các giao dịch về thuế phát sinh theo từng kỳ kế toán liên quan đến việc tăng, giảm số thuế phải nộp, số thuế được hoàn của người nộp thuế. Định kỳ sau khoá sổ hàng tháng, thông qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế sẽ cung cấp Sổ thuế S1/KTT và Sổ nhật ký giao dịch S2/KTT để người nộp thuế theo dõi, đối chiếu số liệu về tình hình thực hiện nghĩa vụ của NNT đã được cơ quan thuế theo dõi, phản ánh, ghi nhận trong hệ thống quản lý thuế. Từ đó, NNT chủ động trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc có biện pháp rà soát, đối chiếu, hiệu chỉnh các sai lệch thông tin giữa NNT và cơ quan thuế.

### **2. Nội dung và cách ghi sổ**

#### ***a. Nội dung***

Sổ nhật ký giao dịch gồm 2 phần: Phần I. Nghĩa vụ thuế và Phần II. Hoàn thuế. Trong mỗi phần phản ánh số dư đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và dư cuối kỳ.

- Phần I. Nghĩa vụ thuế:

+ Dư đầu kỳ: Tổng số còn phải nộp/ nộp thừa/ tạm nộp của NNT đến đầu kỳ in sổ, bằng tổng số còn phải nộp/ nộp thừa/tạm nộp cuối kỳ trước.

+ Phát sinh trong kỳ: Các giao dịch phát sinh được cơ quan thuế ghi nhận, hạch toán trong kỳ theo hồ sơ khai thuế, quyết định, thông báo liên quan đến tăng giảm nghĩa vụ thuế và các chứng từ nộp tiền vào NSNN.

+ Dư cuối kỳ: Tổng số còn phải nộp/ nộp thừa/ tạm nộp của NNT đến cuối kỳ in sổ.

- Phần II. Hoàn thuế:

+ Dư đầu kỳ: Tổng số còn được hoàn trả (là số thuế đã ban hành quyết định hoàn nhưng chưa chi hoàn cho NNT) đến đầu kỳ in sổ, bằng tổng số NNT còn được hoàn trả đến cuối kỳ trước.

+ Phát sinh trong kỳ: Gồm số thuế được hoàn theo quyết định hoàn thuế và số thuế đã được hoàn ghi nhận theo Lệnh hoàn đã được KBNN thực hiện.

+ Dư cuối kỳ: Tổng số còn được hoàn trả đến cuối kỳ in sổ (là số thuế đã ban hành quyết định hoàn nhưng chưa chi hoàn cho NNT).

**b. Cách ghi sổ**

Thông tin giao dịch phát sinh trong kỳ gồm: Ngày ghi sổ, ngày chứng từ, hạn nộp, diễn giải nguồn gốc phát sinh, số tiền.

- Cột A - “Ngày ghi sổ”: Ghi ngày hạch toán của tờ khai, quyết định, chứng từ.

- Cột B – “Ngày chứng từ”:

+ Đối với tờ khai của NNT là ngày nộp tờ khai.

+ Đối với quyết định/thông báo của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền là ngày cơ quan thuế/ cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định/thông báo.

+ Đối với chứng từ nộp tiền là ngày nộp thuế.

- Cột C – “Tiểu mục”: Hiện thị tiểu mục tương ứng với các giao dịch phát sinh trong kỳ.

- Cột D – “Số tiền”: Hiện thị số tiền của khoản phát sinh:

+ Phần I. Nghĩa vụ thuế: Số tiền có giá trị dương thể hiện tăng số thuế phải nộp; số tiền có giá trị âm thể hiện giảm số thuế phải nộp.

+ Phần II. Hoàn thuế: Số tiền có giá trị dương thể hiện tăng số thuế được hoàn; số tiền có giá trị âm thể hiện giảm số thuế được hoàn.

- Cột E – “Hạn nộp”: Hiện thị hạn nộp của các khoản nghĩa vụ phải nộp.

- Cột F – “Diễn giải”: Ghi nội dung diễn giải nguồn gốc phát sinh của từng giao dịch được hạch toán:

+ Giao dịch phát sinh từ tờ khai của NNT: Ghi “Theo tờ khai <mẫu tờ khai>, kỳ tính thuế <kỳ>, lần <đầu, bổ sung>”.

+ Giao dịch phát sinh từ chứng từ nộp tiền: Ghi “Theo chứng từ nộp tiền số <số chứng từ>”.

+ Giao dịch phát sinh từ quyết định/thông báo của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền:

- Quyết định truy thu/xử phạt/ thu hồi hoàn thuế/ ấn định/ bãi bỏ ấn định/ thanh tra, kiểm tra/ xử lý khiếu nại/ khác/... ghi: “Theo quyết định truy thu/ xử phạt/ thu hồi hoàn thuế/ ấn định/ bãi bỏ ấn định/ thanh tra, kiểm tra/ xử lý khiếu nại/ khác/... <số quyết định>”.
- Thông báo hạch toán lại khoản phải nộp: “Theo văn bản phục hồi nghĩa vụ đã bị xóa nợ số <số văn bản>”.
- Các văn bản liên quan đến Thanh tra Chính phủ ghi: “Theo văn bản của Thanh tra Chính phủ số <số văn bản>”.
- Các văn bản liên quan đến Kiểm toán Nhà nước ghi: “Theo văn bản của Kiểm toán Nhà nước <số văn bản>”.
- Các văn bản liên quan đến Thanh tra Tài chính ghi: “Theo văn bản của Thanh tra Tài chính <số văn bản>”.
- Tiền chậm nộp do cơ quan thuế tính: “Tiền chậm nộp do cơ quan thuế tính kỳ <kỳ>”.
- Quyết định miễn giảm: “Theo quyết định miễn giảm số <số quyết định>”.
- Quyết định xóa nợ: “Theo quyết định xóa nợ số <số quyết định>”.
- Phiếu điều chỉnh nghĩa vụ của NNT do cơ quan thuế thực hiện ghi: “Theo phiếu điều chỉnh của cơ quan thuế số <số phiếu điều chỉnh nội bộ>”.
- Thông báo chuyên nghĩa vụ thuế ghi: “Theo thông báo chuyên nghĩa vụ thuế số <số thông báo>.”

+ Đối với giao dịch liên quan đến hoàn thuế:

- Quyết định hoàn/ hoàn kiêm bù trừ ghi: “Số thuế phải hoàn trả cho NNT theo quyết định hoàn/ hoàn kiêm bù trừ số <số quyết định>” hoặc “ Số thuế được bù trừ nợ cho NNT theo quyết định hoàn kiêm bù trừ số <số quyết định>” hoặc “ Số lãi phải trả NNT theo quyết định hoàn thuế số <số quyết định>”.
- Lệnh hoàn/ hoàn kiêm bù trừ ghi: “Số thuế đã hoàn trả cho NNT theo lệnh hoàn/ lệnh hoàn kiêm bù trừ số <số lệnh hoàn>” hoặc “Số đã bù trừ nợ cho NNT theo lệnh hoàn/ lệnh hoàn kiêm bù trừ số <số lệnh hoàn>” hoặc “Số lãi đã trả cho NNT theo lệnh hoàn số <số lệnh hoàn>”.

### **3. Kiểm soát dữ liệu**

#### **a. Kiểm soát dữ liệu trên sổ thuế**

Hệ thống đảm bảo dữ liệu sổ nhật ký giao dịch theo kỳ kế toán không bị thay đổi sau khi đã đóng kỳ kế toán. Định kỳ hàng tháng sau khi đóng kỳ kế toán cán bộ thuế thực hiện kết xuất sổ nhật ký giao dịch và kiểm soát dữ liệu trên sổ đảm bảo tính chính xác. Hàng tháng, Sổ nhật ký giao dịch được cung cấp cho NNT kèm theo sổ thuế nhằm diễn giải các thông tin trên sổ thuế.

#### **b. Phương thức khai thác Sổ nhật ký giao dịch**

Sổ nhật ký giao dịch cho phép tổng hợp dữ liệu của nhiều kỳ kế toán. Đơn vị tính của sổ nhật ký giao dịch mặc định là đồng. Ngoài ra, cho phép lựa chọn đơn vị tính là nghìn đồng hoặc triệu đồng hoặc USD (đối với các khoản thu theo dõi bằng đơn vị tiền USD).

## **III. SỔ PHÁT SINH TỜ KHAI 01/GTGT (MẪU PS/01GTGT)**

### **1. Mục đích**

Ghi nhận, phản ánh đầy đủ thông tin, số liệu phát sinh trên tờ khai 01/GTGT theo lịch sử kê khai thuế, bao gồm các hồ sơ lần đầu và hồ sơ khai thuế bổ sung, để xây dựng cơ sở dữ liệu đánh giá sự tuân thủ của người nộp thuế.

### **2. Nội dung và cách ghi sổ**

#### **a. Nội dung**

- Sổ này dùng để theo dõi nghĩa vụ thuế cho một hoặc nhiều NNT theo từng cơ quan thuế. Sổ cho phép in theo kỳ tính thuế hoặc kỳ kế toán.

+ Sổ theo dõi một NNT: Cho phép in nhiều kỳ tính thuế thuộc nhiều năm hoặc nhiều kỳ kế toán thuộc một năm.

+ Sổ theo dõi nhiều NNT: Cho phép in nhiều kỳ tính thuế thuộc nhiều năm nhưng chỉ cho phép in một kỳ kế toán.

+ Tại CQT quản lý trực tiếp NNT được phép in dữ liệu tờ khai phát sinh trên toàn quốc; tại CQT không quản lý trực tiếp NNT chỉ in được dữ liệu tờ khai phát sinh tại CQT đó (tờ khai vãng lai, phân bổ, theo từng lần phát sinh...).

- Sổ này hiển thị tất cả các chỉ tiêu trên tờ khai 01/GTGT đã được cơ quan thuế hạch toán.

#### **b. Cách ghi sổ**

- Cột A: Ghi mã số thuế của NNT phát sinh tờ khai



- Cột B: Ghi chương của NNT phát sinh tờ khai
- Cột C: Ghi tên của NNT phát sinh tờ khai
- Cột D: Ghi kỳ tính thuế tương ứng với tờ khai phát sinh.
- Cột E: Ghi lần bổ sung của tờ khai phát sinh
- Cột F: Ghi ngày hạch toán tờ khai của cơ quan thuế
- Cột G: Ghi ngày nộp tờ khai của NNT
- Cột (1): Bảng chỉ tiêu [22] - Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang trên tờ khai.
- Cột (2): Bảng chỉ tiêu [23] – Giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT trên tờ khai.
- Cột (3): Bảng chỉ tiêu [24] – Thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (4): Bảng chỉ tiêu [25] – Thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (5): Bảng chỉ tiêu [26] – Giá trị của HHDV bán ra không chịu thuế GTGT trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (6): Bảng chỉ tiêu [27] – Giá trị của HHDV bán ra chịu thuế GTGT trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (7): Bảng chỉ tiêu [28] – Thuế GTGT của HHDV bán ra chịu thuế GTGT trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (8): Bảng chỉ tiêu [29] – Giá trị của HHDV bán ra chịu thuế suất 0% trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (9): Bảng chỉ tiêu [30] – Giá trị của HHDV bán ra chịu thuế suất 5% trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (10): Bảng chỉ tiêu [31] – Thuế GTGT của HHDV bán ra chịu thuế 5% trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (11): Bảng chỉ tiêu [32] – Giá trị của HHDV bán ra chịu thuế suất 10% trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (12): Bảng chỉ tiêu [33] – Thuế GTGT của HHDV bán ra chịu thuế 10% trong kỳ trên tờ khai.
- Cột (13): Bảng chỉ tiêu [32a] – Giá trị của HHDV bán ra không tính thuế trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (14): Bảng chỉ tiêu [34] – Tổng doanh thu của HHDV bán ra trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (15): Bảng chỉ tiêu [35] – Thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (16): Bảng chỉ tiêu [36] – Thuế GTGT phát sinh trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (17): Bảng chỉ tiêu [37] – Điều chỉnh giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước trên tờ khai.

- Cột (18): Bảng chỉ tiêu [38] – Điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước trên tờ khai.

- Cột (19): Bảng chỉ tiêu [39] – Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoài tỉnh trên tờ khai.

- Cột (20): Bảng chỉ tiêu [40a] – Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (21): Bảng chỉ tiêu [40b] – Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế trên tờ khai.

- Cột (22): Bảng chỉ tiêu [40] – Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (23): Bảng chỉ tiêu [41] – Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này trên tờ khai.

- Cột (24): Bảng chỉ tiêu [42] – Thuế GTGT đề nghị hoàn trên tờ khai.

- Cột (25): Bảng chỉ tiêu [43] – Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau trên tờ khai.

### **3. Nguyên tắc tổng hợp số**

Nguyên tắc tổng hợp dữ liệu lên sổ phát sinh tờ khai 01/GTGT: Tổng hợp toàn bộ các chỉ tiêu trên tờ khai bao gồm cả tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung đã được ghi nhận trong ứng dụng TMS.

## **IV. SỔ PHÁT SINH TỜ KHAI 02/GTGT (MẪU PS/02GTGT)**

### **1. Mục đích**

Ghi nhận, phản ánh đầy đủ thông tin, số liệu phát sinh trên tờ khai 02/GTGT theo lịch sử kê khai thuế, bao gồm các hồ sơ lần đầu và hồ sơ khai

thuế bổ sung, để xây dựng cơ sở dữ liệu đánh giá sự tuân thủ của người nộp thuế.

## **2. Nội dung và cách ghi số**

### **a. Nội dung**

- Sổ này dùng để theo dõi số thuế khấu trừ của dự án đầu tư cho một hoặc nhiều NNT theo từng cơ quan thuế. Sổ cho phép in theo kỳ tính thuế hoặc kỳ kế toán.

+ Sổ theo dõi một NNT: Cho phép in nhiều kỳ tính thuế trong nhiều năm hoặc nhiều kỳ kế toán trong một năm.

+ Sổ theo dõi nhiều NNT: Cho phép in nhiều kỳ tính thuế nhưng chỉ in theo một kỳ kế toán.

- Sổ này hiển thị tất cả các chỉ tiêu trên tờ khai 02/GTGT đã được cơ quan thuế hạch toán.

### **b. Cách ghi số**

- Cột A: Ghi mã số thuế của NNT phát sinh tờ khai

- Cột B: Ghi chương của NNT phát sinh tờ khai

- Cột C: Ghi tên của NNT phát sinh tờ khai

- Cột D: Ghi kỳ tính thuế tương ứng với tờ khai phát sinh.

- Cột E: Ghi lần bổ sung của tờ khai phát sinh

- Cột F: Ghi ngày hạch toán tờ khai của cơ quan thuế

- Cột G: Ghi ngày nộp tờ khai của NNT

- Cột (1): Bảng chỉ tiêu [21] - Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang.

- Cột (2): Bảng chỉ tiêu [21a] – Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao từ chủ dự án đầu tư.

- Cột (3): Bảng chỉ tiêu [22] – Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ (chưa có thuế GTGT) trên tờ khai.

- Cột (4): Bảng chỉ tiêu [23] – Thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (5): Bảng chỉ tiêu [24] – Điều chỉnh tăng giá trị HHDV mua vào các kỳ trước trên tờ khai.

- Cột (6): Bảng chỉ tiêu [25] – Điều chỉnh tăng thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước trên tờ khai.

- Cột (7): Bảng chỉ tiêu [26] – Điều chỉnh giảm giá trị HHDV mua vào các kỳ trước trên tờ khai.

- Cột (8): Bảng chỉ tiêu [27] – Điều chỉnh giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước trên tờ khai.

- Cột (9): Bảng chỉ tiêu [28] - Tổng số thuế GTGT đầu vào của HHDV mua vào trên tờ khai.

- Cột (10): Bảng chỉ tiêu [28a] – Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế trên tờ khai.

- Cột (11): Bảng chỉ tiêu [29] – Thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn đến kỳ tính thuế của dự án đầu tư trên tờ khai.

- Cột (12): Bảng chỉ tiêu [30a] – Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá nhập khẩu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định đã đề nghị hoàn trên tờ khai.

- Cột (13): Bảng chỉ tiêu [30] – Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn trên tờ khai.

- Cột (14): Bảng chỉ tiêu [31] – Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ trên tờ khai.

- Cột (15): Bảng chỉ tiêu [32] – Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau trên tờ khai.

### **3. Nguyên tắc tổng hợp số**

Nguyên tắc tổng hợp dữ liệu lên sổ phát sinh tờ khai 02/GTGT: Tổng hợp toàn bộ các chỉ tiêu trên tờ khai bao gồm cả tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung đã được ghi nhận trong ứng dụng TMS.

### Phụ lục 03

## QUY TẮC XỬ LÝ DỮ LIỆU KHẤU TRỪ VÀ SỬA ĐỔI QUY TẮC BÙ TRỪ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Kèm theo Công văn số 297/2017/TCT-KK ngày 27/5/2017 của Tổng cục Thuế)

1. Hết hiệu lực các giao dịch phản ánh số thuế được khấu trừ, đề nghị hoàn của NNT từ kỳ kế toán tháng 6/2017, bao gồm: KH, X1, X2, X3, VL, DT, DK, DH, VH, KG.

2. Chuyển đổi số dư của các giao dịch khấu trừ có giá trị dương được hạch toán từ tờ khai 01/GTGT đang phản ánh nghĩa vụ phải nộp của người nộp thuế sang giao dịch DP để tiếp tục theo dõi từ thời điểm triển khai quy tắc hạch toán mới như sau:

- Sinh giao dịch DP có số tiền âm (<0) tương ứng với các giao dịch khấu trừ có số tiền dương (KH, X1, X2, X3, VL, DK, DT) được hạch toán từ tờ khai 01/GTGT.

- Thực hiện bù trừ các cặp giao dịch DP vừa sinh với giao dịch gốc tương ứng nhằm mục đích không tiếp tục sử dụng ký hiệu các giao dịch đã hết hiệu lực kể từ thời điểm triển khai quy tắc hạch toán mới.

- Sinh giao dịch điều chỉnh ký hiệu (DP) có số tiền dương (>0) tương ứng với các giao dịch khấu trừ có số tiền dương, ngày hạch toán thuộc kỳ kế toán tháng 6/2017 để tiếp tục theo dõi.

3. Tắt toán số dư của các giao dịch đã hết hiệu lực tại thời điểm áp dụng quy tắc hạch toán mới như sau:

- Sinh giao dịch đảo tương ứng cho các giao dịch khấu trừ có số tiền âm GTGT (gồm: KH, X1, X2, X3, VL, DK, DT) và giao dịch đề nghị hoàn có số tiền âm hoặc dương (gồm DH, VH) được hạch toán từ tờ khai 01/GTGT.

- Sinh giao dịch đảo tương ứng cho các giao dịch khấu trừ, giao dịch đề nghị hoàn có số tiền âm hoặc dương được hạch toán từ tờ khai 02/GTGT (gồm: KH, KG, DT, DK, DH).

- Thực hiện bù trừ giao dịch đảo được sinh với giao dịch gốc, các giao dịch này sẽ không theo dõi tiếp từ kỳ kế toán tháng 6/2017.

4. Chặn hủy bù trừ của các kỳ giao dịch có ký hiệu (KH, X1, X2, X3, VL, DH, DK, VH, DT, KG hoặc DP có ký hiệu giao dịch gốc là KH, X1, X2, X3,

VL, DH, DK, VH, DT, KG) để các giao dịch này không được tham gia bù trừ từ kỳ kế toán tháng 6/2017.

5. Sửa đổi quy tắc bù trừ nghĩa vụ của NNT hàng ngày/tháng đối với các giao dịch khấu trừ:

- Sửa đổi quy tắc bù trừ cuối ngày và cuối tháng ban hành tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo Công văn 2369/TCT-CNTT ngày 31/5/2016, trong đó loại bỏ các bước bù trừ giữa các giao dịch sinh từ tờ khai 01/GTGT và 02/GTGT theo quy tắc cũ để tính ra nghĩa vụ phải nộp/ còn khấu trừ/ đề nghị hoàn của người nộp thuế. Cụ thể loại bỏ bước 2a, 2b, 2c, 2d, 2e, 2f, 2g, 2h, 2i, 2j.

- Sửa đổi các bước trong quy tắc bù trừ cuối tháng (Phụ lục 04 kèm theo Công văn 2369/TCT-CNTT ngày 31/5/2016), loại bỏ các giao dịch khấu trừ thuế GTGT khỏi các bước bù trừ, cụ thể bỏ các giao dịch X2, VL, X3 tại bước 13 và bước 15.

- Các giao dịch điều chỉnh, chuyển nghĩa vụ có ký hiệu giao dịch gốc là khấu trừ (KH,KG,DT,DK,X1,X2,X3,VL) bù trừ theo nguyên tắc của ký hiệu giao dịch điều chỉnh hoặc chuyển nghĩa vụ, không bù trừ theo nguyên tắc của ký hiệu giao dịch gốc.

**SỔ PHÁT SINH TỜ KHAI 01/GTGT**

Kỳ tính thuế: từ kỳ... đến kỳ (hoặc Kỳ kế toán: từ kỳ... đến kỳ...)

Đơn vị tính: đồng

| Mã số thuế       | Chương | Tên NNT | Kỳ tính thuế | Lần kê khai | Ngày ghi sổ | Ngày nộp tờ khai | Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang | Giá trị HHDV mua vào trong kỳ | Thuế GTGT HHDV mua vào trong kỳ | Thuế đầu vào được khấu trừ | Doanh thu HHDV bán ra không chịu thuế GTGT | Doanh thu HHDV bán ra chịu thuế GTGT | Thuế của HHDV bán ra chịu thuế GTGT | Doanh thu HHDV thuế suất 0% | Doanh thu HHDV thuế suất 5% | Thuế của HHDV thuế suất 5% | Doanh thu HHDV thuế suất 10% | Thuế của HHDV thuế suất 10% | Doanh thu HHDV không đánh thuế | Tổng doanh thu | Thuế đầu ra | Thuế GTGT phát sinh trong kỳ | Điều chỉnh giảm thuế GTGT các kỳ trước | Điều chỉnh tăng thuế GTGT các kỳ trước | Thuế GTGT đã nộp cho hoạt động vắng lái | Thuế GTGT phải nộp của HĐ SXKD trong kỳ | Thuế GTGT bù trừ với dự án đầu tư | Thuế GTGT còn phải nộp | Thuế GTGT chưa khấu trừ hết | Thuế GTGT để nghj hoãn | Thuế GTGT khấu trừ chuyển kỳ sau |      |
|------------------|--------|---------|--------------|-------------|-------------|------------------|--|-------------------------------|---------------------------------|----------------------------|--|--------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------|-------------|------------------------------|--|--|---|---|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------|----------------------------------|------|
| (A)              | (B)    | (C)     | (D)          | (E)         | (F)         | (G)              | (H)  | (I)                           | (J)                             | (K)                        | (L)  | (M)                                  | (N)                                 | (O)                         | (P)                         | (Q)                        | (R)                          | (S)                         | (T)                            | (U)            | (V)         | (W)                          | (X)                                    | (Y)                                    | (Z)                                     | (AA)                                    | (AB)                              | (AC)                   | (AD)                        | (AE)                   | (AF)                             | (AG) |
|                  |        |         |              |             |             |                  |  |                               |                                 |                            |  |                                      |                                     |                             |                             |                            |                              |                             |                                |                |             |                              |  |  |   |   |                                   |                        |                             |                        |                                  |      |
| <b>Tổng cộng</b> |        |         |              |             |             |                  |  |                               |                                 |                            |  |                                      |                                     |                             |                             |                            |                              |                             |                                |                |             |                              |  |  |   |   |                                   |                        |                             |                        |                                  |      |

Ngày kết nối số: <DD/MM/YYYY>  
Người kết nối số: <USER\_NAME>

**SỔ PHÁT SINH TỜ KHAI 02/GTGT**

Kỳ tính thuế: từ kỳ.... đến kỳ (hoặc Kỳ kế toán: từ kỳ... đến kỳ...)

Đơn vị tính: Đồng

| Chương           | Mã số thuế | Tên NNT | Kỳ tính thuế | Lần kê khai | Ngày ghi sổ | Ngày nộp tờ khai | Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang | Thuế GTGT đầu vào nhận bàn giao từ chủ dự án đầu tư | HHDV mua vào trong kỳ | Thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ | Điều chỉnh tăng giá trị HHDV mua vào các kỳ trước | Điều chỉnh tăng thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước | Điều chỉnh giảm giá trị HHDV mua vào các kỳ trước | Điều chỉnh giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước | Tổng số thuế GTGT đầu vào của HHDV mua vào | Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư bù trừ với thuế GTGT phải nộp | Thuế GTGT chưa được hoàn đến kỳ | Thuế GTGT đã đề nghị hoàn | Thuế GTGT còn lại đề nghị hoàn kỳ này | Thuế GTGT chưa được hoàn bàn giao cho DN | Thuế GTGT chưa được hoàn chuyển kỳ sau |
|------------------|------------|---------|--------------|-------------|-------------|------------------|---|---|-----------------------|-------------------------------------|---|---|---|---|--|--|---------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|--|--|
| (A)              | (B)        | (C)     | (D)          | (E)         | (F)         | (G)              | (I)   | (2)   | (3)                   | (4)                                 | (5)   | (6)   | (7)   | (8)   | (9)  | (10)   | (11)                            | (12)                      | (13)                                  | (14)                                     | (15)                                   |
|                  |            |         |              |             |             |                  |   |   |                       |                                     |   |   |   |   |  |  |                                 |                           |                                       |  |  |
| <b>Tổng cộng</b> |            |         |              |             |             |                  |   |   |                       |                                     |   |   |   |   |  |  |                                 |                           |                                       |  |  |

Ngày kết xuất số: <DD/MM/YYYY>  
Người kết xuất số: <USER\_NAME>